

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /XN-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

**Đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện (giai đoạn 1)
Dự án Nhà máy giấy da xuất khẩu tại xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 304/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy giấy da xuất khẩu tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân (nay là xã Như Xuân), tỉnh Thanh Hoá; số 802/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy giấy da xuất khẩu tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân;

Xét Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày 16/4/2026 kèm theo hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện thi công Dự án Nhà máy giấy da xuất khẩu tại xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư Linh Chi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 588/TTr-SNNMT ngày 24/4/2026.

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Linh Chi (mã số doanh nghiệp 2803051044, đăng ký lần đầu ngày 13/12/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/5/2025; địa chỉ: Tầng 2, số nhà 13/264 phố Trường Thi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa) đã đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện thi công (giai đoạn 1) Dự án Nhà máy giấy da xuất khẩu tại xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: Đất làm vật liệu san lấp.
2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: Trong phạm vi diện tích thi công (giai đoạn 1) Dự án Nhà máy giấy da xuất khẩu tại xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản: 31.508,14 m².
Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 - Bản đồ ranh giới khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản kèm theo.
4. Khối lượng khoáng sản thu hồi (ở trạng thái tự nhiên): 176.146,69 m³.
5. Thời gian thu hồi khoáng sản: 12 tháng kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Linh Chi có trách nhiệm:
 - Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin vị trí, khối lượng, chủng loại khoáng sản được nêu trong Bản đăng ký thu hồi của đơn vị; tổ chức thực hiện việc thu hồi khoáng sản đất làm vật liệu san lấp theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch, thời hạn nêu trên theo đăng ký của đơn vị.
 - Thực hiện thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.
 - Khai thác khoáng sản đúng khối lượng được cấp phép, ưu tiên cung cấp đất san lấp để phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước khác trên địa bàn tỉnh; bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác theo quy định của pháp luật; lắp đặt, duy trì vận hành, sử dụng camera giám sát, thiết bị cân (bao gồm trạm cân hoặc thiết bị cân khác) hoặc thiết bị đo đạc để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác phục vụ công tác thống kê sản lượng khoáng sản đã khai thác để UBND xã Như Xuân theo dõi, giám sát; kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ hàng tháng về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Như Xuân và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm liên quan đến lĩnh vực giao thông, môi trường, an toàn lao động trong quá trình thu hồi, vận chuyển khoáng sản.

- Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có khoáng sản mới ngoài loại khoáng sản đăng ký nêu trên, đơn vị phải dừng ngay việc thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện công tác thu hồi khoáng sản về UBND tỉnh Thanh Hóa (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, quản lý theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Như Xuân theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi khoáng sản theo các nội dung nêu trên của đơn vị; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật nếu để đơn vị lợi dụng việc khai thác khoáng sản trái phép, không đúng các nội dung nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này do sự thiếu kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Như Xuân;
- Công ty CP dựng và đầu tư Linh Chi;
- Lưu VT, CN (T04.80).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN
(Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận số /XN-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
M1	2176 549,3024	547 405,2864
M2	2176 589,1123	547 373,2470
M3	2176 599,3379	547 356,9658
M4	2176 606,1992	547 331,6013
M5	2176 603,1731	547 318,6312
M6	2176 614,5166	547 293,6181
M7	2176 630,9612	547 293,6664
M8	2176 714,0828	547 355,2229
M9	2176 771,8411	547 388,2366
M10	2176 844,2043	547 388,2366
M11	2176 853,6842	547 407,4937
M12	2176 843,7760	547 433,6523
M12A	2176 843,7700	547 441,6300
M12B	2176 834,0200	547 447,2800
M12C	2176 818,5300	547 451,4700
M12D	2176 809,2100	547 455,3200
M12E	2176 779,4900	547 476,0500
M12F	2176 769,5400	547 477,6500
M12H	2176 741,8500	547 483,8900
M12I	2176 745,3400	547 492,8400
M12J	2176 748,1500	547 511,4500
M12K	2176 753,0600	547 518,1800
M12L	2176 763,1100	547 524,9200
N6	2176 757,8093	547 525,2492
N5	2176 752,5300	547 521,4400
N4	2176 750,3200	547 517,9300
N3	2176 746,4100	547 513,4600

N2	2176 743,8600	547 509,2900
N1	2176 738,7600	547 503,0400
N14	2176 732,7500	547 502,0600
N13	2176 721,4300	547 494,9800
N12	2176 718,2400	547 492,1400
N11	2176 711,2800	547 487,3400
N10	2176 698,0922	547 499,9777
M20	2176 660,6814	547 475,6402
M21	2176 568,0125	547 416,6803
Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản (giai đoạn 1): 31.508,14 m²		
Mức sâu thu hồi khoáng sản thấp nhất: Cos +84,0 m		